

Số: 134/QĐ-DSG-TĐKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020



QUYẾT ĐỊNH
V/v Cấp học bổng tuyển sinh năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-BGDĐT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc Chính sách học bổng tuyển sinh 2020;

Căn cứ Công văn số 349-20/CV-DSG-ĐT ngày 19/10/2020 về việc Xét học bổng tuyển sinh cho thí sinh nhập học tại trường khóa 2020 và hỗ trợ thí sinh các địa phương thi tốt nghiệp THPT đợt 2 trúng tuyển nhập học tại trường khóa 2020;

Căn cứ kết quả tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

- 1.1. Cấp “Học bổng tài năng” và giấy khen cho một trăm lẻ chín (109) thí sinh trúng tuyển và nhập học đại học hệ chính quy vào các ngành thỏa Khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019.
- 1.2. Học bổng trị giá bằng 100% học phí bốn năm học.
- 1.3. Điểm xét học bổng không tính điểm ưu tiên, không nhân hệ số.
- 1.4. Học bổng sẽ được thực hiện theo từng học kỳ và duy trì tiếp tục nếu điểm trung bình học kỳ trước đó của sinh viên $\geq 7,0$ điểm.
- 1.5. Học bổng được tính đối với các học kỳ chính khóa, không bao gồm học phí các môn học mà sinh viên đăng ký học lại.

(Danh sách kèm theo Điều 1)

Điều 2:

- 2.1. Cấp “Học bổng tài năng” và giấy khen cho sáu (06) thí sinh trúng tuyển và nhập học đại học hệ chính quy vào các ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông và Thiết kế công nghiệp thỏa Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019.
- 2.2. Học bổng trị giá bằng 100% học phí bốn năm học.
- 2.3. Điểm xét học bổng không tính điểm ưu tiên, không nhân hệ số.

- 2.4. Học bổng sẽ được thực hiện theo từng học kỳ và duy trì tiếp tục nếu điểm trung bình học kỳ trước đó của sinh viên $\geq 7,0$ điểm.
- 2.5. Học bổng được tính đối với các học kỳ chính khóa, không bao gồm học phí các môn học mà sinh viên đăng ký học lại.

(Danh sách kèm theo Điều 2)

Điều 3:

- 3.1. Cấp “Học bổng tài năng” và giấy khen cho tám mươi sáu (86) thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển điểm kỳ thi THPT năm 2020 và nhập học đại học hệ chính quy thỏa Khoản 4 Điều 2 của Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019.
- 3.2. Học bổng trị giá bằng 50% học phí bốn năm học.
- 3.3. Điểm xét học bổng không tính điểm ưu tiên, không nhân hệ số.
- 3.4. Học bổng sẽ được thực hiện theo từng học kỳ và duy trì tiếp tục nếu điểm trung bình học kỳ trước đó của sinh viên $\geq 7,0$ điểm.
- 3.5. Học bổng được tính đối với các học kỳ chính khóa, không bao gồm học phí các môn học mà sinh viên đăng ký học lại.

(Danh sách kèm theo Điều 3)

Điều 4:

- 4.1. Cấp “Học bổng tài năng” và giấy khen cho một trăm mười ba (113) thí sinh trúng tuyển và nhập học đại học hệ chính quy theo từng phương thức tuyển sinh thuộc các ngành thỏa Khoản 5 Điều 2 của Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019.
- 4.2. Học bổng trị giá bằng 50% học phí năm học thứ nhất.
- 4.3. Điểm xét học bổng không tính điểm ưu tiên, không nhân hệ số.
- 4.4. Học bổng sẽ tiếp tục được thực hiện trong học kỳ 2 năm học 2020 - 2021 nếu điểm trung bình học kỳ trước đó của sinh viên $\geq 7,0$ điểm.
- 4.5. Học bổng được tính đối với các học kỳ chính khóa, không bao gồm học phí các môn học mà sinh viên đăng ký học lại.

(Danh sách kèm theo Điều 4)

Điều 5:

- 5.1. Cấp “Học bổng khuyến khích” cho bốn mươi bảy (47) thí sinh trúng tuyển và nhập học đầu tiên bậc đại học hệ chính quy thuộc các ngành thỏa Điều 3 của Quyết định số 300/QĐ-DSG-HBTS ngày 26/12/2019.
- 5.2. Học bổng trị giá bằng 20% học phí học kỳ 1 năm thứ nhất.

(Danh sách kèm theo Điều 5)

Điều 6: Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Lưu: P.HCQT, P.ĐT, HV (4)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG TUYỂN SINH NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-DSG-TĐKT, ngày 20/10/2020)

Đơn vị tính: đồng

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp	
					Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng				
Điều 1:														
1	DH72006955	Lê Thị Hồng	Trang	13/01/2002	D20_QT11	PT01_HOCBA THPT		9.00	8.90	9.10	27.00	12,810,000	100%	12,810,000
2	DH52002064	Nguyễn Hoài	Phong	19/10/2002	D20_TH02	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.30	9.30	8.70	27.30	12,810,000	100%	12,810,000
3	DH52005051	Đặng Trung	Trúc	26/08/2002	D20_TH08	PT02_HOCBA LOP12	D01	9.50	8.50	9.30	27.30	12,810,000	100%	12,810,000
4	DH52007011	Thạch Ngọc Gia	Huy	02/03/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.50	9.10	9.50	27.10	12,810,000	100%	12,810,000
5	DH52007074	Phan Hiểu	Lâm	11/01/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A01	9.00	9.50	8.90	27.40	12,810,000	100%	12,810,000
6	DH72003265	Đào Thị Phương	Thảo	12/07/2002	D20_QT04	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.70	9.60	9.20	27.50	12,810,000	100%	12,810,000
7	DH72003275	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	09/07/2002	D20_QT04	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	9.00	9.40	27.20	12,810,000	100%	12,810,000
8	DH72004468	Nguyễn Duy Nhã	Uyên	02/05/2002	D20_QT07	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	9.10	9.50	27.40	12,810,000	100%	12,810,000
9	DH72005045	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương	26/07/2002	D20_QT09	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.00	9.50	9.10	27.60	12,810,000	100%	12,810,000
10	DH72006963	Cát Ngọc	Diệp	24/07/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.90	9.50	9.20	27.60	12,810,000	100%	12,810,000
11	DH12006583	Nguyễn Hữu	Nghĩa	27/03/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A00	7.40	7.00	8.25	22.65	12,810,000	100%	12,810,000
12	DH12006318	Dương Trần Hưng	Phát	29/09/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A00	7.60	7.50	7.75	22.85	12,810,000	100%	12,810,000
13	DH12006331	Nguyễn Đình Hữu	Tài	22/07/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A00	7.20	7.25	7.75	22.20	12,810,000	100%	12,810,000
14	DH32006402	Trương Lâm Nhật	Tiến	29/06/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	A00	8.20	7.50	8.75	24.45	12,810,000	100%	12,810,000
15	DH52005841	Huỳnh Ngọc Quang	Huy	09/04/2002	D20_TH07	PT03_THPT	C01	7.80	7.75	7.25	22.80	12,810,000	100%	12,810,000
16	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	06/08/2002	D20_TH07	PT03_THPT	A01	8.20	7.25	6.80	22.25	12,810,000	100%	12,810,000
17	DH52005915	Nguyễn Ngọc	Khuyến	23/08/2002	D20_TH07	PT03_THPT	A00	8.60	6.25	7.25	22.10	12,810,000	100%	12,810,000
18	DH52005922	Trương Thành	Lập	22/01/2002	D20_TH07	PT03_THPT	A00	8.60	7.00	7.50	23.10	12,810,000	100%	12,810,000
19	DH52005933	Kim Hoàng	Long	05/01/2002	D20_TH07	PT03_THPT	A00	8.40	7.25	6.75	22.40	12,810,000	100%	12,810,000
20	DH52005662	Phạm Ngọc Nhân	ái	18/09/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	8.20	8.00	8.00	24.20	12,810,000	100%	12,810,000
21	DH52005724	Lê Mai Nhựt	Duy	31/08/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	8.20	7.50	7.00	22.70	12,810,000	100%	12,810,000
22	DH52005818	Phan Thanh	Hoài	19/11/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	7.00	7.50	8.00	22.50	12,810,000	100%	12,810,000
23	DH52005851	Nguyễn Tấn	Huy	10/12/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A01	9.40	8.25	7.60	25.25	12,810,000	100%	12,810,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
24	DH52005875	Trần Phú	Kiệt	25/09/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	8.20	6.75	8.00	22.95	12,810,000	100%	12,810,000
25	DH52006042	Lê	Quang	11/10/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	8.00	7.00	7.25	22.25	12,810,000	100%	12,810,000
26	DH52006131	Hà Xuân	Tú	08/03/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	7.20	7.25	8.00	22.45	12,810,000	100%	12,810,000
27	DH52005166	Nguyễn Tuấn	Anh	20/05/2002	D20_TH09	PT03_THPT	D01	8.60	6.50	7.40	22.50	12,810,000	100%	12,810,000
28	DH52005738	Hồ Khánh	Dương	01/07/2002	D20_TH09	PT03_THPT	C01	8.80	7.00	7.25	23.05	12,810,000	100%	12,810,000
29	DH52005731	Trần Lê Minh	Duy	24/07/2002	D20_TH09	PT03_THPT	D01	7.60	7.50	8.40	23.50	12,810,000	100%	12,810,000
30	DH52005825	Mai Việt	Hoàng	12/03/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	8.20	8.00	6.25	22.45	12,810,000	100%	12,810,000
31	DH52006058	Dương Trung	Quốc	10/09/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	8.80	7.25	8.25	24.30	12,810,000	100%	12,810,000
32	DH52006097	Văn Bảo	Tâm	18/07/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	9.60	8.00	8.25	25.85	12,810,000	100%	12,810,000
33	DH52006178	Trần Ngọc	Thế	25/02/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	8.20	8.25	7.25	23.70	12,810,000	100%	12,810,000
34	DH52006111	Phan Đức	Tiến	07/02/2002	D20_TH09	PT03_THPT	C01	7.80	8.00	8.75	24.55	12,810,000	100%	12,810,000
35	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo	Trần	07/10/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	7.80	7.25	7.50	22.55	12,810,000	100%	12,810,000
36	DH52006237	Nguyễn Trần Văn	Uyển	01/08/2002	D20_TH09	PT03_THPT	D01	8.20	8.50	5.60	22.30	12,810,000	100%	12,810,000
37	DH52005692	Nguyễn Châu Phúc	Cánh	05/11/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A01	8.20	7.00	7.00	22.20	12,810,000	100%	12,810,000
38	DH52005709	Nguyễn Thành	Danh	17/10/2000	D20_TH10	PT03_THPT	A00	8.20	7.25	7.25	22.70	12,810,000	100%	12,810,000
39	DH52005906	Nguyễn Đăng	Khoa	19/05/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A01	8.80	7.00	7.40	23.20	12,810,000	100%	12,810,000
40	DH52005969	Lâm Thị Bích	Ngân	22/09/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	7.80	7.75	6.75	22.30	12,810,000	100%	12,810,000
41	DH52006082	Trương Phan Ngọc	Sơn	24/11/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A01	7.80	7.75	7.60	23.15	12,810,000	100%	12,810,000
42	DH52006168	Hồ Việt	Thắng	11/01/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	9.80	8.00	8.75	26.55	12,810,000	100%	12,810,000
43	DH52006207	Huỳnh Hồng	Thuyền	08/11/2002	D20_TH10	PT03_THPT	D01	8.40	6.50	8.40	23.30	12,810,000	100%	12,810,000
44	DH52006231	Bùi Quang	Trường	03/03/2002	D20_TH10	PT03_THPT	C01	7.00	7.75	7.50	22.25	12,810,000	100%	12,810,000
45	DH52006150	Nguyễn Thanh	Tùng	01/12/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	8.80	7.50	7.75	24.05	12,810,000	100%	12,810,000
46	DH52005758	Nguyễn Vũ Ân	Điện	15/12/1999	D20_TH11	PT03_THPT	A01	7.40	7.00	9.00	23.40	12,810,000	100%	12,810,000
47	DH52006863	Vũ Minh	Đức	01/02/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	7.80	8.25	7.50	23.55	12,810,000	100%	12,810,000
48	DH52006878	Trương Khánh	Duy	25/09/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A01	7.40	7.00	8.40	22.80	12,810,000	100%	12,810,000
49	DH52006862	Lê Huỳnh Hoàn	Hào	13/02/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	8.20	7.75	6.75	22.70	12,810,000	100%	12,810,000
50	DH52006576	Nguyễn Trọng	Hiển	10/11/2002	D20_TH11	PT03_THPT	D01	8.00	9.00	6.80	23.80	12,810,000	100%	12,810,000
51	DH52006607	Phạm Công	Minh	19/07/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	8.00	6.75	8.00	22.75	12,810,000	100%	12,810,000

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh							Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
					Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng				
52	DH52006904	Đặng Xuân Sang	21/01/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	8.80	6.25	8.00	23.05	12,810,000	100%	12,810,000	
53	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc	27/05/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	7.80	7.75	6.50	22.05	12,810,000	100%	12,810,000	
54	DH52006610	Huỳnh Nhật Vương	14/03/2001	D20_TH11	PT03_THPT	A00	7.60	9.00	8.75	25.35	12,810,000	100%	12,810,000	
55	DH62006441	Trần Thị Mộng	02/02/2002	D20_TP02	PT03_THPT	A00	8.00	6.50	8.50	23.00	16,105,000	100%	16,105,000	
56	DH62006455	Dương Đình Quốc	24/08/2002	D20_TP02	PT03_THPT	B00	8.20	8.50	6.75	23.45	16,105,000	100%	16,105,000	
57	DH62006466	Đặng Minh Luân	02/10/2002	D20_TP02	PT03_THPT	D01	7.40	6.75	8.00	22.15	16,105,000	100%	16,105,000	
58	DH62006493	Nguyễn Trung Tín	27/05/2002	D20_TP02	PT03_THPT	B00	8.00	8.25	6.50	22.75	16,105,000	100%	16,105,000	
59	DH72005562	Nguyễn Trung Thuận	22/12/2002	D20_QT06	PT03_THPT	A00	8.00	8.00	7.75	23.75	12,810,000	100%	12,810,000	
60	DH72005302	Trần Thị Bạch Kim	18/05/2002	D20_QT07	PT03_THPT	D01	7.60	7.50	8.20	23.30	12,810,000	100%	12,810,000	
61	DH72005337	Trương Thị Phương Linh	17/11/2002	D20_QT07	PT03_THPT	A00	8.00	7.00	8.25	23.25	12,810,000	100%	12,810,000	
62	DH72005390	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	21/11/2001	D20_QT07	PT03_THPT	D01	7.40	7.25	7.40	22.05	12,810,000	100%	12,810,000	
63	DH72005188	Phạm Thị Ngọc Bích	03/01/2002	D20_QT08	PT03_THPT	A00	8.20	7.25	8.00	23.45	12,810,000	100%	12,810,000	
64	DH72005421	Lê Ngọc Tuyết Nhi	22/02/2002	D20_QT08	PT03_THPT	A00	8.20	6.75	7.25	22.20	12,810,000	100%	12,810,000	
65	DH72005630	Phạm Nguyễn Ngọc Vân	28/01/2002	D20_QT08	PT03_THPT	D01	7.60	7.50	7.20	22.30	12,810,000	100%	12,810,000	
66	DH72005184	Nguyễn Mạnh Hoài	30/07/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.40	8.50	7.50	23.40	12,810,000	100%	12,810,000	
67	DH72005224	Phạm Thị Thúy Dương	20/02/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	8.00	8.00	7.00	23.00	12,810,000	100%	12,810,000	
68	DH72005345	Giang Hải Luân	13/05/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.80	6.75	8.00	22.55	12,810,000	100%	12,810,000	
69	DH72005368	Lê Hoàng Mỹ	22/10/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.60	7.50	7.25	22.35	12,810,000	100%	12,810,000	
70	DH72005373	Trần Hoàng Nam	14/08/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A01	7.80	8.50	6.60	22.90	12,810,000	100%	12,810,000	
71	DH72005411	Trần Phương Nguyên	28/10/2002	D20_QT09	PT03_THPT	D78	7.75	6.40	8.42	22.57	12,810,000	100%	12,810,000	
72	DH72005463	Nguyễn Phước Thu	03/07/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.60	8.50	9.00	25.10	12,810,000	100%	12,810,000	
73	DH72005465	Trần Nguyễn Như	12/03/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A01	8.20	7.75	6.60	22.55	12,810,000	100%	12,810,000	
74	DH72005488	Đoàn Thu Sương	30/03/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	8.80	7.25	7.00	23.05	12,810,000	100%	12,810,000	
75	DH72005546	Nguyễn Đức Thắng	17/06/2002	D20_QT09	PT03_THPT	D01	8.00	8.00	6.00	22.00	12,810,000	100%	12,810,000	
76	DH72005555	Lê Phú Thịnh	24/10/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	8.40	7.50	6.25	22.15	12,810,000	100%	12,810,000	
77	DH72005575	Nguyễn Thị Vân Thy	22/10/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	8.20	6.25	7.75	22.20	12,810,000	100%	12,810,000	
78	DH72005206	Tăng Kiệt Đình	12/08/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A01	8.00	8.00	6.60	22.60	12,810,000	100%	12,810,000	
79	DH72006624	Trần Văn Giàu	05/12/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	7.00	7.75	7.75	22.50	12,810,000	100%	12,810,000	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
80	DH72006639	Thái Nhân	Hậu	20/05/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	7.40	7.75	8.50	23.65	12,810,000	100%	12,810,000
81	DH72005369	Lê Thị Kim	Mỹ	18/06/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A01	8.00	7.50	7.20	22.70	12,810,000	100%	12,810,000
82	DH72005423	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/03/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A01	8.20	7.50	7.00	22.70	12,810,000	100%	12,810,000
83	DH72005470	Phan Đăng Hoàng	Quốc	29/07/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	8.60	8.00	8.00	24.60	12,810,000	100%	12,810,000
84	DH72005598	Phạm Như	Trí	28/11/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D78	7.50	6.60	8.00	22.10	12,810,000	100%	12,810,000
85	DH72005613	Dương Duy	Trọng	08/09/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	7.80	8.00	6.75	22.55	12,810,000	100%	12,810,000
86	DH72005643	Đoàn Anh	Vy	05/12/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D01	8.00	8.50	6.20	22.70	12,810,000	100%	12,810,000
87	DH72005647	Nguyễn Phương	Vy	24/01/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D01	8.20	8.00	6.80	23.00	12,810,000	100%	12,810,000
88	DH72005657	Trần Thị Mỹ	Xuyên	17/09/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D01	8.20	8.25	6.00	22.45	12,810,000	100%	12,810,000
89	DH72006818	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/07/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	8.20	8.25	6.75	23.20	12,810,000	100%	12,810,000
90	DH72005273	Nguyễn Thị Huỳnh	Hoa	30/03/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D01	6.80	7.25	8.40	22.45	12,810,000	100%	12,810,000
91	DH72006941	Đỗ Thái	Nam	26/07/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D01	7.60	8.00	7.40	23.00	12,810,000	100%	12,810,000
92	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	10/11/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	7.60	6.50	8.25	22.35	12,810,000	100%	12,810,000
93	DH72006602	Huỳnh Trung	Nghĩa	17/09/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D01	7.60	8.50	6.40	22.50	12,810,000	100%	12,810,000
94	DH72006670	Huỳnh Thị Yến	Nhi	04/11/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D78	9.25	8.75	5.60	23.60	12,810,000	100%	12,810,000
95	DH72006960	Lê Thị ánh	Nhi	04/04/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	7.40	7.00	8.00	22.40	12,810,000	100%	12,810,000
96	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh	Thảo	23/08/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	6.80	8.00	7.50	22.30	12,810,000	100%	12,810,000
97	DH72006989	Phạm Thị Bích	Vân	15/07/2001	D20_QT11	PT03_THPT	D01	7.40	7.25	7.80	22.45	12,810,000	100%	12,810,000
98	DH72006597	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	21/10/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	7.80	7.25	8.50	23.55	12,810,000	100%	12,810,000
99	DH72006587	Trần Duy	Đức	11/04/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	7.80	7.00	8.50	23.30	12,810,000	100%	12,810,000
100	DH72005220	Lê Khánh	Dương	19/08/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	8.60	6.50	7.00	22.10	12,810,000	100%	12,810,000
101	DH72007132	Đặng Nguyễn Khánh	Hà	17/06/2002	D20_QT12	PT03_THPT	D01	7.80	8.75	6.20	22.75	12,810,000	100%	12,810,000
102	DH72006619	Đình Phát	Lộc	10/08/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	8.60	7.75	6.75	23.10	12,810,000	100%	12,810,000
103	DH72007154	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	01/01/2002	D20_QT12	PT03_THPT	D01	8.60	8.00	6.60	23.20	12,810,000	100%	12,810,000
104	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	24/08/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	8.00	6.50	8.25	22.75	12,810,000	100%	12,810,000
105	DH72006978	Nguyễn Quốc	Thắng	10/03/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	8.40	6.50	7.25	22.15	12,810,000	100%	12,810,000
106	DH72006816	Trần Thị Mỹ	Tiên	30/10/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	7.80	6.75	7.50	22.05	12,810,000	100%	12,810,000
107	DH72006600	Bùi Phi Thiện	Tuấn	31/01/2002	D20_QT12	PT03_THPT	D01	8.20	7.75	6.80	22.75	12,810,000	100%	12,810,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
108	DH82006542	Võ Thanh	Lộc	01/05/2002	D20_XD02	PT03_THPT	A00	8.20	7.75	7.25	23.20	12,810,000	100%	12,810,000
109	DH92005098	Vũ Đình	Khánh	09/09/2002	D20_TK02	PT03_THPT	A01	7.40	6.25	8.60	22.25	16,105,000	100%	16,105,000
Tổng:												1,412,765,000		
Điều 2:														
1	DH12002290	Thái Anh	Ngọc	12/02/2002	D20_CDT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	8.40	9.20	26.40	12,810,000	100%	12,810,000
2	DH12004075	Huỳnh Ngọc	Hải	30/05/2002	D20_CDT02	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.50	8.90	26.10	12,810,000	100%	12,810,000
3	DH42003523	Trần Hoàng	Ân	02/06/2002	D20_VT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	8.50	9.20	26.50	12,810,000	100%	12,810,000
4	DH12006323	Nguyễn Bá	Phúc	12/06/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A00	7.20	7.25	7.50	21.95	12,810,000	100%	12,810,000
5	DH32006370	Nguyễn Vũ	Hòa	29/07/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	D01	6.80	7.75	6.60	21.15	12,810,000	100%	12,810,000
6	DH92006640	Nguyễn Anh	Quân	04/04/2001	D20_TK02	PT03_THPT	D01	7.40	6.50	7.60	21.50	16,105,000	100%	16,105,000
Tổng:												80,155,000		
Điều 3:														
1	DH52005670	Lê Hoàng	Anh	15/04/2002	D20_TH06	PT03_THPT	A00	6.60	7.50	7.00	21.10	12,810,000	50%	6,405,000
2	DH52005747	Đào Thành	Đạt	26/04/2002	D20_TH06	PT03_THPT	A00	8.00	6.25	7.00	21.25	12,810,000	50%	6,405,000
3	DH52005672	Nguyễn Tuấn	Anh	08/03/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A00	7.20	7.50	7.25	21.95	12,810,000	50%	6,405,000
4	DH52005729	Phan Khánh	Duy	14/03/2002	D20_TH08	PT03_THPT	D01	8.20	6.75	7.00	21.95	12,810,000	50%	6,405,000
5	DH52005842	Lê Đức	Huy	05/03/2002	D20_TH08	PT03_THPT	C01	8.40	6.25	7.00	21.65	12,810,000	50%	6,405,000
6	DH52006020	Võ Hoàng	Phi	05/01/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A01	8.60	6.00	7.00	21.60	12,810,000	50%	6,405,000
7	DH52006036	Nguyễn Hữu	Phụng	07/05/2002	D20_TH08	PT03_THPT	D01	8.40	6.50	6.60	21.50	12,810,000	50%	6,405,000
8	DH52006061	Trương Hoàng	Quốc	30/09/2002	D20_TH08	PT03_THPT	D01	8.60	8.50	4.80	21.90	12,810,000	50%	6,405,000
9	DH52006069	Đặng Thanh	Sang	05/05/2002	D20_TH08	PT03_THPT	D01	7.40	7.00	7.00	21.40	12,810,000	50%	6,405,000
10	DH52006075	Nguyễn Văn	Sinh	28/09/2002	D20_TH08	PT03_THPT	C01	7.80	7.25	6.75	21.80	12,810,000	50%	6,405,000
11	DH52006102	Phan Thanh	Tân	19/07/2002	D20_TH08	PT03_THPT	A01	8.40	7.50	5.60	21.50	12,810,000	50%	6,405,000
12	DH52005688	Nguyễn Trí	Bảo	29/06/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A01	8.20	7.50	5.80	21.50	12,810,000	50%	6,405,000
13	DH52005690	Trần Nguyễn Gia	Bảo	25/07/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A01	8.00	5.75	7.60	21.35	12,810,000	50%	6,405,000
14	DH52005698	Lê Đình	Cường	18/10/2002	D20_TH09	PT03_THPT	D01	7.60	7.00	6.80	21.40	12,810,000	50%	6,405,000
15	DH52005745	Cao Tiến	Đạt	13/02/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	7.60	7.25	7.00	21.85	12,810,000	50%	6,405,000
16	DH52005767	Nguyễn Trí	Đức	14/11/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	7.80	7.50	6.50	21.80	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
17	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	14/04/2002	D20_TH09	PT03_THPT	C01	7.60	7.25	6.50	21.35	12,810,000	50%	6,405,000
18	DH52005800	Phạm Thị Diệu	Hiền	06/08/2002	D20_TH09	PT03_THPT	D01	7.00	8.00	6.00	21.00	12,810,000	50%	6,405,000
19	DH52005810	Nguyễn Phi	Hiếu	15/07/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	8.00	6.25	6.75	21.00	12,810,000	50%	6,405,000
20	DH52005929	Trương Nhã	Linh	01/05/2002	D20_TH09	PT03_THPT	D01	7.80	7.00	6.60	21.40	12,810,000	50%	6,405,000
21	DH52005383	Đặng Thị Kim	Ngân	24/08/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	7.80	8.00	5.25	21.05	12,810,000	50%	6,405,000
22	DH52006169	Lê Chí	Thắng	24/04/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	8.20	5.75	8.00	21.95	12,810,000	50%	6,405,000
23	DH52006116	Vũ Minh	Tiến	14/02/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A00	7.40	6.75	7.50	21.65	12,810,000	50%	6,405,000
24	DH52006228	Nguyễn Thành	Trung	06/09/2002	D20_TH09	PT03_THPT	A01	7.40	5.50	8.20	21.10	12,810,000	50%	6,405,000
25	DH52005733	Vô Hữu	Duy	04/07/2002	D20_TH10	PT03_THPT	C01	7.20	8.25	6.00	21.45	12,810,000	50%	6,405,000
26	DH52005828	Nguyễn Văn	Hoàng	30/10/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	7.00	6.75	7.75	21.50	12,810,000	50%	6,405,000
27	DH52005894	Hà Nhật	Khánh	22/08/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	7.40	7.00	6.75	21.15	12,810,000	50%	6,405,000
28	DH52005963	Nguyễn Thanh	Nam	25/08/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	8.20	6.50	6.75	21.45	12,810,000	50%	6,405,000
29	DH52006088	Nguyễn Lê Minh	Tài	15/03/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A01	8.20	8.00	5.20	21.40	12,810,000	50%	6,405,000
30	DH52006177	Nguyễn Khắc	Thế	13/01/2002	D20_TH10	PT03_THPT	D01	8.20	8.00	5.20	21.40	12,810,000	50%	6,405,000
31	DH52006631	Lê Minh	Thuận	10/04/2002	D20_TH10	PT03_THPT	A00	7.60	7.00	7.25	21.85	12,810,000	50%	6,405,000
32	DH52006139	Huỳnh Quốc	Tuấn	20/07/2002	D20_TH10	PT03_THPT	D01	8.00	7.50	6.20	21.70	12,810,000	50%	6,405,000
33	DH52005770	Trịnh Anh	Đức	30/05/2002	D20_TH11	PT03_THPT	D01	8.00	7.75	5.80	21.55	12,810,000	50%	6,405,000
34	DH52006612	Nguyễn Dương Trường	Giang	20/09/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	7.80	7.00	7.00	21.80	12,810,000	50%	6,405,000
35	DH52006889	Vô Gia	Huy	21/03/2002	D20_TH11	PT03_THPT	D01	7.80	7.50	6.00	21.30	12,810,000	50%	6,405,000
36	DH52006790	Tô Thị Hồng	Nhung	27/01/2002	D20_TH11	PT03_THPT	D01	8.40	8.50	4.80	21.70	12,810,000	50%	6,405,000
37	DH52006605	Phan Phúc	Tân	16/05/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	8.20	6.50	7.25	21.95	12,810,000	50%	6,405,000
38	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	30/04/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	8.20	7.25	6.25	21.70	12,810,000	50%	6,405,000
39	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	16/07/2002	D20_TH11	PT03_THPT	D01	7.80	7.50	6.60	21.90	12,810,000	50%	6,405,000
40	DH52006712	Nguyễn Việt	Tuấn	10/11/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A01	8.00	7.00	6.00	21.00	12,810,000	50%	6,405,000
41	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhật	ý	21/03/2002	D20_TH11	PT03_THPT	A00	7.80	7.25	6.00	21.05	12,810,000	50%	6,405,000
42	DH62006496	Võ Thị Kim	Thanh	01/11/2002	D20_TP02	PT03_THPT	A00	7.00	6.50	7.75	21.25	16,105,000	50%	8,052,500
43	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/10/2002	D20_TP02	PT03_THPT	D01	7.60	7.00	7.00	21.60	16,105,000	50%	8,052,500
44	DH72005264	Trần Ngọc	Hân	26/10/2002	D20_QT07	PT03_THPT	D01	8.20	6.75	6.20	21.15	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
45	DH72005431	Hồ Ngọc Khánh	Như	22/05/2002	D20_QT08	PT03_THPT	D01	7.80	7.50	6.40	21.70	12,810,000	50%	6,405,000
46	DH72005163	Lê Hoàng	Anh	17/11/2002	D20_QT09	PT03_THPT	D01	7.80	7.25	6.20	21.25	12,810,000	50%	6,405,000
47	DH72006582	Bùi Nguyễn Thành	Luân	09/07/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	8.60	6.50	6.75	21.85	12,810,000	50%	6,405,000
48	DH72005393	Phạm Thị Kim	Ngân	10/02/2002	D20_QT09	PT03_THPT	D01	7.40	6.75	7.00	21.15	12,810,000	50%	6,405,000
49	DH72005414	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	06/04/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.20	7.25	7.50	21.95	12,810,000	50%	6,405,000
50	DH72005435	Võ Thị Huỳnh	Như	25/09/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.60	6.75	6.75	21.10	12,810,000	50%	6,405,000
51	DH72005522	Nguyễn Thanh	Tuyền	06/02/2002	D20_QT09	PT03_THPT	D01	7.20	8.50	6.20	21.90	12,810,000	50%	6,405,000
52	DH72005625	Ngô Gia	Văn	06/10/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A00	7.40	6.75	7.00	21.15	12,810,000	50%	6,405,000
53	DH72005240	Trương Minh Quỳnh	Giang	07/07/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D01	7.40	6.75	7.20	21.35	12,810,000	50%	6,405,000
54	DH72005280	Nguyễn Văn Tiến	Hùng	16/04/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A01	8.00	7.75	5.60	21.35	12,810,000	50%	6,405,000
55	DH72005354	Trần Thị Thanh	Mai	06/11/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A01	8.20	7.00	6.20	21.40	12,810,000	50%	6,405,000
56	DH72005422	Nguyễn Thị Vân	Nhi	12/11/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	6.40	7.50	7.25	21.15	12,810,000	50%	6,405,000
57	DH72005433	Lê Thị Quỳnh	Như	24/08/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	7.40	7.75	6.00	21.15	12,810,000	50%	6,405,000
58	DH72005429	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	21/01/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A01	7.60	7.25	6.80	21.65	12,810,000	50%	6,405,000
59	DH72005544	Nguyễn Kim Phương	Thào	12/03/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D01	7.40	6.50	7.60	21.50	12,810,000	50%	6,405,000
60	DH72005612	Trần Thị Mỹ	Trình	19/12/2002	D20_QT10	PT03_THPT	D01	7.80	8.25	5.60	21.65	12,810,000	50%	6,405,000
61	DH72006633	Nguyễn Minh	Tuấn	23/01/2002	D20_QT10	PT03_THPT	A00	7.60	7.00	7.00	21.60	12,810,000	50%	6,405,000
62	DH72006578	Trương Thụy Ngọc	Linh	20/05/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	6.80	7.00	7.50	21.30	12,810,000	50%	6,405,000
63	DH72006934	Nguyễn Hoài	Ly	12/04/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D01	8.40	7.75	5.20	21.35	12,810,000	50%	6,405,000
64	DH72006591	Sái Thị Kiều	Mai	09/09/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	8.00	7.25	6.00	21.25	12,810,000	50%	6,405,000
65	DH72006933	Hà Thị	Mỹ	26/11/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	7.80	6.25	7.25	21.30	12,810,000	50%	6,405,000
66	DH72006745	Đoàn Thị Thúy	Ngân	18/11/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D01	8.20	8.00	5.40	21.60	12,810,000	50%	6,405,000
67	DH72005451	Phan Hoàng Gia	Phúc	23/06/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	7.60	7.50	6.75	21.85	12,810,000	50%	6,405,000
68	DH72006936	Vũ Thị	Quyên	02/01/2002	D20_QT11	PT03_THPT	D01	7.60	8.50	5.00	21.10	12,810,000	50%	6,405,000
69	DH72006579	Nguyễn Ngọc Hà	Tiên	28/05/2002	D20_QT11	PT03_THPT	A00	7.60	5.00	9.00	21.60	12,810,000	50%	6,405,000
70	DH72006903	Đặng Ngọc Minh	Đức	05/09/2002	D20_QT12	PT03_THPT	D01	6.80	7.50	7.40	21.70	12,810,000	50%	6,405,000
71	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo	Hương	18/01/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	8.20	7.25	6.25	21.70	12,810,000	50%	6,405,000
72	DH72006638	Cao Văn	Huy	13/02/2002	D20_QT12	PT03_THPT	A00	8.00	6.25	7.25	21.50	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
73	DH72007190	Hồ Thị Quỳnh	Như	12/07/2002	D20_QT12	PT03_THPT	D01	7.80	7.75	6.40	21.95	12,810,000	50%	6,405,000
74	DH82006557	Nguyễn Hồ Thanh	Thiện	28/04/2002	D20_XD02	PT03_THPT	A00	8.00	6.75	6.75	21.50	12,810,000	50%	6,405,000
75	DH12006269	Mao Tấn	An	23/09/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A01	5.80	7.25	7.20	20.25	12,810,000	50%	6,405,000
76	DH12006307	Vũ Quang	Huy	13/11/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A00	7.80	6.00	6.75	20.55	12,810,000	50%	6,405,000
77	DH12007094	Nguyễn Tấn	Phát	02/12/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	D01	7.20	7.00	6.20	20.40	12,810,000	50%	6,405,000
78	DH32006367	Lê Trung	Hiếu	22/01/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	A00	8.00	6.75	5.50	20.25	12,810,000	50%	6,405,000
79	DH32006374	Trần Anh Tuấn	Kiệt	16/08/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	A00	7.60	6.75	6.50	20.85	12,810,000	50%	6,405,000
80	DH32006399	Nguyễn Thanh	Quý	10/11/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	A00	8.00	7.25	4.75	20.00	12,810,000	50%	6,405,000
81	DH32006412	Lê Quốc	Thái	17/03/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	A00	7.00	6.50	7.00	20.50	12,810,000	50%	6,405,000
82	DH42006426	Nguyễn Minh	Dũng	22/08/2002	D20_VT02	PT03_THPT	D01	7.80	6.75	5.60	20.15	12,810,000	50%	6,405,000
83	DH92006580	Võ Thị Đông	Giang	09/05/2002	D20_TK02	PT03_THPT	D78	7.75	7.25	5.40	20.40	16,105,000	50%	8,052,500
84	DH92005104	Nguyễn Thị Trà	Mí	01/09/2002	D20_TK02	PT03_THPT	D01	7.60	7.50	5.20	20.30	16,105,000	50%	8,052,500
85	DH92005122	Trần Văn	Quân	23/09/2000	D20_TK02	PT03_THPT	A01	8.40	7.25	4.80	20.45	16,105,000	50%	8,052,500
86	DH92005148	Lê Thị Ngọc	Trâm	05/02/2002	D20_TK02	PT03_THPT	D01	8.20	6.50	6.00	20.70	16,105,000	50%	8,052,500

Tổng: 560,715,000

Điều 4:

1	DH12000082	Trần Trí	Toàn	05/06/2000	D20_CDT01	PT02_HOCBA LOP12	D07	9.20	8.50	7.70	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
2	DH32003481	Trần Minh	Hùng	14/09/2002	D20_DDT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	8.80	7.60	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
3	DH32002511	Lê Bá	Toàn	23/10/2002	D20_DDT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.40	8.00	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
4	DH52003554	Nguyễn Hoàng Vũ	Đan	20/11/2002	D20_TH02	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.50	8.60	8.80	26.90	12,810,000	50%	6,405,000
5	DH52002912	Nguyễn Thị Linh	Chi	02/11/2001	D20_TH03	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.10	8.10	8.90	26.10	12,810,000	50%	6,405,000
6	DH52003883	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	24/01/2002	D20_TH03	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.50	8.90	8.70	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
7	DH52003324	Lê Đức	Tài	04/04/2002	D20_TH03	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.90	7.70	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
8	DH52002475	Hồ Minh	Chánh	27/06/2002	D20_TH04	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.20	9.20	26.10	12,810,000	50%	6,405,000
9	DH52003583	Bùi Thành	Nhân	20/09/2002	D20_TH04	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.50	8.30	8.80	26.60	12,810,000	50%	6,405,000
10	DH52003376	Huỳnh Khánh	Duy	18/04/2002	D20_TH05	PT02_HOCBA LOP12	D01	8.80	8.70	8.20	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
11	DH52003962	Nguyễn Trần Hồ	Hiếu	01/12/2002	D20_TH05	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.10	8.60	9.10	26.80	12,810,000	50%	6,405,000
12	DH52003580	Võ Trọng	Hiếu	29/08/2002	D20_TH05	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.60	8.70	8.30	25.60	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
13	DH52004278	Lê Thành	Đạt	17/03/2002	D20_TH06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.10	8.30	8.60	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
14	DH52004553	Nguyễn An	Đình	25/10/2002	D20_TH06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.50	8.10	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
15	DH52004098	Trần Minh	Hiếu	02/07/2002	D20_TH06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.10	8.70	25.50	12,810,000	50%	6,405,000
16	DH52004986	Diệp Bảo	Khánh	18/11/2002	D20_TH06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.60	8.20	8.30	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
17	DH52004099	Trương Minh	Phúc	05/02/2002	D20_TH06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.10	8.70	8.50	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
18	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	16/03/2002	D20_TH07	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.50	9.20	7.70	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
19	DH52004744	Bùi Xuân	Đô	20/07/2002	D20_TH07	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.20	8.20	8.80	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
20	DH52004523	Trần Trung	Tiến	18/05/2002	D20_TH07	PT02_HOCBA LOP12	D01	8.20	7.70	9.20	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
21	DH52004897	Lý Chí	Bảo	24/05/2002	D20_TH08	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.80	8.80	8.60	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
22	DH52004161	Nguyễn Thanh	Triều	19/02/2002	D20_TH08	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.50	8.40	9.40	26.30	12,810,000	50%	6,405,000
23	DH52004905	Nguyễn Thanh	Tùng	12/10/2002	D20_TH08	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.60	8.30	25.60	12,810,000	50%	6,405,000
24	DH52007049	Nguyễn Hòa Ninh	Đan	14/05/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.20	8.80	8.10	26.10	12,810,000	50%	6,405,000
25	DH52007068	Lý Quốc	Huy	29/06/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.10	8.70	8.30	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
26	DH52007056	Trần A	Huy	24/07/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.60	8.80	8.70	26.10	12,810,000	50%	6,405,000
27	DH52007066	Nguyễn Đăng	Khoa	09/09/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.00	7.70	9.40	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
28	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	31/10/2002	D20_TH11	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.20	8.70	8.70	26.60	12,810,000	50%	6,405,000
29	DH62002267	Phan Thị Phương	Dung	21/06/2002	D20_TP01	PT02_HOCBA LOP12	D07	8.70	8.50	8.50	25.70	16,105,000	50%	8,052,500
30	DH62003273	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	26/10/2001	D20_TP01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	8.40	9.30	26.50	16,105,000	50%	8,052,500
31	DH62004147	Nguyễn Ngọc	Ngân	02/02/2002	D20_TP02	PT02_HOCBA LOP12	B00	6.80	9.70	8.80	25.30	16,105,000	50%	8,052,500
32	DH62004725	Phan Thanh	Thúy	03/02/2002	D20_TP02	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.30	8.60	8.50	25.40	16,105,000	50%	8,052,500
33	DH72003780	Võ Lê Thị Huỳnh	Giang	17/01/2002	D20_QT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.00	9.10	8.60	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
34	DH72001864	Mai Huỳnh	Như	10/07/2000	D20_QT01	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.10	9.20	7.70	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
35	DH72002231	Nguyễn Đỗ Phương	Trâm	23/05/2001	D20_QT01	PT02_HOCBA LOP12	D14	8.10	9.00	8.60	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
36	DH72002232	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/03/2001	D20_QT01	PT02_HOCBA LOP12	D14	8.10	8.80	8.30	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
37	DH72002512	Nguyễn Văn	Chương	21/11/2001	D20_QT02	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.60	8.10	8.90	25.60	12,810,000	50%	6,405,000
38	DH72003067	Thái Phi	Hùng	18/11/2002	D20_QT02	PT02_HOCBA LOP12	A00	6.40	9.60	9.00	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
39	DH72001801	Nguyễn Tấn	Ninh	22/11/2002	D20_QT02	PT02_HOCBA LOP12	D01	9.70	8.30	8.40	26.40	12,810,000	50%	6,405,000
40	DH72002513	Trần Thị Diễm	Trinh	04/03/2002	D20_QT02	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.30	7.70	9.00	26.00	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
					Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
41	DH72002186	Phạm Đặng Như ý	25/12/2002	D20_QT02	PT02_HOCBA LOP12	D14	8.10	9.30	7.70	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
42	DH72004073	Phạm Đăng Khoa	25/02/2002	D20_QT03	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.60	8.10	8.70	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
43	DH72004315	Trần Đình Huy	24/11/2002	D20_QT04	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.80	8.50	9.20	25.50	12,810,000	50%	6,405,000
44	DH72003326	Hồ Thị Thùy Trúc	27/06/2002	D20_QT04	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.60	8.70	8.80	26.10	12,810,000	50%	6,405,000
45	DH72003549	Nguyễn Phúc Nghĩa	01/01/2002	D20_QT05	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.10	8.70	8.50	26.30	12,810,000	50%	6,405,000
46	DH72004186	La Gia Linh	23/06/2002	D20_QT06	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.00	9.00	9.00	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
47	DH72004181	Thái Kim Ngân	26/10/2002	D20_QT06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	8.90	9.20	26.90	12,810,000	50%	6,405,000
48	DH72004182	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhung	19/07/2002	D20_QT06	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.10	9.10	8.60	26.80	12,810,000	50%	6,405,000
49	DH72004018	Nguyễn Trọng Phi	26/03/2002	D20_QT06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.30	8.20	8.60	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
50	DH72004129	Trần Thái Thanh	30/11/2002	D20_QT06	PT02_HOCBA LOP12	D01	8.50	8.60	8.60	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
51	DH72003560	Lê Vy	19/12/2001	D20_QT06	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.40	8.10	8.80	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
52	DH72004514	Trần Hồng ánh	10/08/2002	D20_QT07	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.20	8.50	8.30	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
53	DH72004734	Nguyễn Trọng Long	18/09/2002	D20_QT08	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.50	8.60	8.90	26.00	12,810,000	50%	6,405,000
54	DH72004844	Nguyễn Thành Luân	30/01/2002	D20_QT08	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.00	8.40	8.50	25.90	12,810,000	50%	6,405,000
55	DH72004711	Nguyễn Thị Xuân Mai	04/08/2002	D20_QT08	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.00	7.20	9.00	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
56	DH72004738	Lý Thy Nhã	05/01/2002	D20_QT08	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.00	8.50	8.80	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
57	DH72004908	Nguyễn Thị Tuyết Sương	15/07/2002	D20_QT08	PT02_HOCBA LOP12	D01	8.80	8.30	8.50	25.60	12,810,000	50%	6,405,000
58	DH72004713	Lê Đại Trọng	13/08/2001	D20_QT08	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.60	8.70	8.30	25.60	12,810,000	50%	6,405,000
59	DH72005016	Đào Thị Kiều Linh	25/08/2002	D20_QT10	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	8.20	8.90	25.80	12,810,000	50%	6,405,000
60	DH72004199	Trần Văn Thành	06/05/2002	D20_QT10	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.00	7.80	8.30	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
61	DH72007065	Huỳnh Chúc Hân	11/03/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	D14	8.20	9.40	7.80	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
62	DH72006998	Châu Tuấn Phúc	03/07/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.90	9.50	8.40	26.80	12,810,000	50%	6,405,000
63	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương Thảo	02/12/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	D14	8.10	9.30	9.10	26.50	12,810,000	50%	6,405,000
64	DH72007003	Lê Hoàng Bảo Trần	15/04/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	D14	8.60	9.30	8.40	26.30	12,810,000	50%	6,405,000
65	DH72007046	Phạm Thanh Trúc	12/12/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.50	9.40	8.40	26.30	12,810,000	50%	6,405,000
66	DH72006781	Nguyễn Thị Kim Tuyền	08/09/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.00	8.80	8.60	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
67	DH72007063	Nguyễn Thị Kim Tuyền	19/06/2002	D20_QT11	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.50	8.90	8.90	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
68	DH72006991	Hoàng Phước Dân An	05/05/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.60	8.70	9.10	26.40	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
69	DH72006726	Nguyễn Thành	Bào	07/07/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.10	8.40	9.20	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
70	DH72006944	Phạm Trung	Nhân	20/08/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	D01	8.80	7.50	8.90	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
71	DH72007105	Hồ Tấn	Thuận	21/07/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.80	8.60	8.90	26.30	12,810,000	50%	6,405,000
72	DH72007040	Trần Ngọc	Thúy	25/12/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.50	8.70	7.90	25.10	12,810,000	50%	6,405,000
73	DH72007039	Mai Ngọc Thanh	Vân	10/06/2002	D20_QT12	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.50	9.10	8.20	25.80	12,810,000	50%	6,405,000
74	DH82000079	Nguyễn Gia	Minh	05/07/2000	D20_XD01	PT02_HOCBA LOP12	A00	9.10	8.70	9.10	26.90	12,810,000	50%	6,405,000
75	DH82004118	Lê Phạm Tấn	Tài	25/09/2002	D20_XD02	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.70	7.70	9.00	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
76	DH92003307	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/10/2002	D20_TK01	PT02_HOCBA LOP12	A01	9.40	8.70	7.80	25.90	16,105,000	50%	8,052,500
77	DH92004846	Trần Hoài	Nhi	13/07/2002	D20_TK02	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.50	8.70	8.70	25.90	16,105,000	50%	8,052,500
78	DH92004025	Ngô Chí	Tài	08/12/2002	D20_TK02	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.10	9.50	9.30	25.90	16,105,000	50%	8,052,500
79	DH12004961	Tăng Thái	Thịnh	28/05/2002	D20_CDT02	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.20	7.90	8.30	24.40	12,810,000	50%	6,405,000
80	DH32004542	Lê Thanh	Xuân	28/02/2002	D20_DDT02	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.70	8.60	8.20	24.50	12,810,000	50%	6,405,000
81	DH92002213	Đặng Quốc	Danh	09/05/2002	D20_TK01	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.80	7.50	9.10	24.40	16,105,000	50%	8,052,500
82	DH92007072	Lê Thị Diễm	My	04/06/2002	D20_TK02	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.00	8.40	8.50	24.90	16,105,000	50%	8,052,500
83	DH52002996	Nguyễn Phước	Lộc	07/11/2002	D20_TH02	PT01_HOCBA THPT		8.30	8.60	8.80	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
84	DH52003201	Ngô Hoài	An	13/10/2002	D20_TH03	PT01_HOCBA THPT		9.00	8.90	8.70	26.60	12,810,000	50%	6,405,000
85	DH52003194	Ngô Hoài	Thịnh	13/10/2002	D20_TH03	PT01_HOCBA THPT		8.90	8.70	9.00	26.60	12,810,000	50%	6,405,000
86	DH52001205	Phạm Hoàng Quốc	Huy	06/04/2002	D20_TH05	PT01_HOCBA THPT		8.50	8.60	8.60	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
87	DH52005059	Lê Trường	Thanh	07/10/2002	D20_TH08	PT01_HOCBA THPT		8.50	8.30	8.20	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
88	DH52005055	Nguyễn Phú Minh	Minh	29/08/2002	D20_TH09	PT01_HOCBA THPT		8.60	8.60	8.10	25.30	12,810,000	50%	6,405,000
89	DH72001262	Phạm Bích	Ngọc	08/11/2002	D20_QT01	PT01_HOCBA THPT		8.80	8.60	8.70	26.10	12,810,000	50%	6,405,000
90	DH72001220	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tiên	06/11/2002	D20_QT01	PT01_HOCBA THPT		8.10	8.50	8.80	25.40	12,810,000	50%	6,405,000
91	DH72003899	Nguyễn Thị Thùy	Trang	03/06/2002	D20_QT01	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.80	8.70	25.90	12,810,000	50%	6,405,000
92	DH72002128	Bừu Lê Kim	Ngân	13/03/2002	D20_QT02	PT01_HOCBA THPT		8.70	9.00	8.60	26.30	12,810,000	50%	6,405,000
93	DH72002261	Phạm Kim	Phan	30/03/2002	D20_QT02	PT01_HOCBA THPT		8.50	8.30	9.00	25.80	12,810,000	50%	6,405,000
94	DH72001625	Châu Thị	Phương	24/02/2002	D20_QT02	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.40	8.40	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
95	DH72000113	Nguyễn Anh	Đạt	30/09/2002	D20_QT03	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.40	8.40	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
96	DH72002993	Trần Thị Thảo	Ngân	13/06/2002	D20_QT03	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.90	8.80	26.10	12,810,000	50%	6,405,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổng hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
97	DH72003846	Nguyễn Thị Trúc	My	10/02/2002	D20_QT04	PT01_HOCBA THPT		8.00	8.40	8.60	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
98	DH72003946	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10/07/2002	D20_QT05	PT01_HOCBA THPT		8.80	8.50	8.40	25.70	12,810,000	50%	6,405,000
99	DH72003887	Đào Huỳnh Hoàng	Tiến	14/01/2002	D20_QT05	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.20	8.60	25.20	12,810,000	50%	6,405,000
100	DH72004290	Vũ Hoàng	Anh	13/10/2002	D20_QT07	PT01_HOCBA THPT		8.10	8.40	8.50	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
101	DH72004685	Huỳnh Bửu	Doanh	30/08/2002	D20_QT07	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.50	8.10	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
102	DH72004686	Nguyễn Thanh	Nga	29/05/2002	D20_QT07	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.70	8.50	25.60	12,810,000	50%	6,405,000
103	DH72001254	Nguyễn Đình	Trí	19/07/2002	D20_QT08	PT01_HOCBA THPT		8.60	8.50	7.90	25.00	12,810,000	50%	6,405,000
104	DH92002504	Tô Thị Mỹ	Huyền	19/01/2001	D20_TK01	PT01_HOCBA THPT		8.30	8.40	8.40	25.10	16,105,000	50%	8,052,500
105	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	18/06/2002	D20_TK01	PT01_HOCBA THPT		8.40	7.90	8.90	25.20	16,105,000	50%	8,052,500
106	DH12003436	Nguyễn Trương Tấn	Duy	03/07/2002	D20_CDT01	PT01_HOCBA THPT		8.00	8.10	7.90	24.00	12,810,000	50%	6,405,000
107	DH92004234	Tý Thiệu Thuận	An	28/09/2002	D20_TK02	PT01_HOCBA THPT		8.60	8.20	8.10	24.90	16,105,000	50%	8,052,500
108	DH92004229	Lâm Kim	Hậu	25/07/2002	D20_TK02	PT01_HOCBA THPT		8.50	8.10	7.80	24.40	16,105,000	50%	8,052,500
109	DH92003926	Đỗ Trọng	Nam	31/08/2002	D20_TK02	PT01_HOCBA THPT		8.10	8.10	7.80	24.00	16,105,000	50%	8,052,500
110	DH32003415	Nguyễn Hồng	Khang	13/02/2002	D20_DDT01	PT01_HOCBA THPT		7.60	7.20	8.90	23.70	12,810,000	50%	6,405,000
111	DH42002726	Trương Thị Hương	Nhanh	10/02/2002	D20_VT01	PT01_HOCBA THPT		8.00	8.00	7.80	23.80	12,810,000	50%	6,405,000
112	DH62001078	Đỗ Thị Quỳnh	Như	09/03/2002	D20_TP01	PT01_HOCBA THPT		8.40	8.10	8.20	24.70	16,105,000	50%	8,052,500
113	DH82001249	Đoàn Khánh	Duy	01/06/2002	D20_XD01	PT01_HOCBA THPT		8.20	7.60	7.70	23.50	12,810,000	50%	6,405,000
Tổng:												748,477,500		

Điều 5:

1	DH72005038	Nguyễn Phạm Tố	Uyên	03/06/2002	D20_QT11	PT04_ĐGNL		679.00	-	-	679.00	12,810,000	20%	2,562,000
2	DH52000029	Nguyễn Văn	Bảo	11/12/2000	D20_TH01	PT01_HOCBA THPT		8.00	7.90	7.60	23.50	12,810,000	20%	2,562,000
3	DH52000817	Nguyễn Anh	Thiện	17/12/2002	D20_TH01	PT01_HOCBA THPT		6.60	6.70	6.90	20.20	12,810,000	20%	2,562,000
4	DH62000058	Thái Phúc	Nguyễn	28/05/2001	D20_TP01	PT01_HOCBA THPT		6.70	6.40	6.70	19.80	16,105,000	20%	3,221,000
5	DH62000724	Lê Thị Quế	Trần	21/09/2002	D20_TP01	PT01_HOCBA THPT		7.20	7.30	7.60	22.10	16,105,000	20%	3,221,000
6	DH72001980	Hồ Thị Ngọc	Hân	08/11/2000	D20_QT01	PT01_HOCBA THPT		8.00	8.30	8.50	24.80	12,810,000	20%	2,562,000
7	DH72000076	Tôn Tuyết	Hoa	09/03/2000	D20_QT01	PT01_HOCBA THPT		8.50	8.50	7.60	24.60	12,810,000	20%	2,562,000
8	DH82000207	Võ Hải	Đăng	31/03/2002	D20_XD01	PT01_HOCBA THPT		6.50	6.50	7.50	20.50	12,810,000	20%	2,562,000
9	DH82000409	Võ Tấn	Vinh	04/12/2002	D20_XD01	PT01_HOCBA THPT		7.40	7.10	7.80	22.30	12,810,000	20%	2,562,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
10	DH52000045	Lê Nguyễn Thành	Công	31/08/2001	D20_TH01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.20	7.00	7.10	22.30	12,810,000	20%	2,562,000
11	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	14/08/2001	D20_TH01	PT02_HOCBA LOP12	A00	5.60	7.00	6.40	19.00	12,810,000	20%	2,562,000
12	DH62002240	Nguyễn Quan Minh	Hiếu	23/09/2001	D20_TP01	PT02_HOCBA LOP12	D08	6.40	7.10	6.90	20.40	16,105,000	20%	3,221,000
13	DH62000011	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	23/07/2001	D20_TP01	PT02_HOCBA LOP12	B00	6.30	8.00	6.30	20.60	16,105,000	20%	3,221,000
14	DH72001863	Nguyễn Trung	Kiên	28/11/2000	D20_QT01	PT02_HOCBA LOP12	A01	8.50	8.00	6.90	23.40	12,810,000	20%	2,562,000
15	DH72000035	Huỳnh Hồng	Thi	01/06/2001	D20_QT01	PT02_HOCBA LOP12	D01	6.40	7.10	7.80	21.30	12,810,000	20%	2,562,000
16	DH82002047	Nguyễn Hoàng	Phi	02/09/2002	D20_XD01	PT02_HOCBA LOP12	A00	6.30	6.80	6.00	19.10	12,810,000	20%	2,562,000
17	DH52005872	Lợi Siêu	Kiệt	14/07/2002	D20_TH08	PT03_THPT	D01	5.60	6.00	5.00	16.60	12,810,000	20%	2,562,000
18	DH52006010	Biện Hồng	Phát	22/01/2002	D20_TH08	PT03_THPT	D01	7.60	7.25	4.40	19.25	12,810,000	20%	2,562,000
19	DH62006450	Phạm Quốc	Đạt	08/03/2002	D20_TP02	PT03_THPT	B00	7.60	7.00	5.75	20.35	16,105,000	20%	3,221,000
20	DH72005476	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	01/11/2002	D20_QT09	PT03_THPT	A01	7.20	6.50	6.80	20.50	12,810,000	20%	2,562,000
21	DH82006525	Nguyễn Trung	Hậu	19/03/2002	D20_XD02	PT03_THPT	D01	7.20	7.75	4.00	18.95	12,810,000	20%	2,562,000
22	DH82006564	Nguyễn Minh	Việt	27/01/2002	D20_XD02	PT03_THPT	D01	6.60	6.00	2.40	15.00	12,810,000	20%	2,562,000
23	DH92004622	Nguyễn Huỳnh	Đức	07/05/2002	D20_TK02	PT04_ĐGNL		626.00	-	-	626.00	16,105,000	20%	3,221,000
24	DH12001258	Trần Trí	Cường	09/07/2002	D20_CDT01	PT01_HOCBA THPT		6.10	6.60	7.00	19.70	12,810,000	20%	2,562,000
25	DH12002181	Trần Trung	Tin	19/05/2002	D20_CDT01	PT01_HOCBA THPT		7.10	7.00	6.80	20.90	12,810,000	20%	2,562,000
26	DH12002449	Lê Ngọc	Tú	13/12/2002	D20_CDT01	PT01_HOCBA THPT		6.30	6.60	6.30	19.20	12,810,000	20%	2,562,000
27	DH32001310	Huỳnh Nhật	Phương	20/10/2002	D20_DDT01	PT01_HOCBA THPT		6.60	7.70	8.10	22.40	12,810,000	20%	2,562,000
28	DH32002078	Nguyễn Minh	Quân	06/04/2002	D20_DDT01	PT01_HOCBA THPT		6.50	6.30	6.60	19.40	12,810,000	20%	2,562,000
29	DH32001061	Nguyễn Tuấn	Tài	21/03/2001	D20_DDT01	PT01_HOCBA THPT		6.40	6.20	7.30	19.90	12,810,000	20%	2,562,000
30	DH42000726	Nguyễn Quốc Bảo	Anh	08/11/2002	D20_VT01	PT01_HOCBA THPT		6.20	7.20	7.70	21.10	12,810,000	20%	2,562,000
31	DH42001063	Nguyễn Lưu Thành	Đạt	11/02/2002	D20_VT01	PT01_HOCBA THPT		6.40	6.30	7.00	19.70	12,810,000	20%	2,562,000
32	DH92001839	Nguyễn Thị Trà	My	02/04/2002	D20_TK01	PT01_HOCBA THPT		6.40	6.40	7.40	20.20	16,105,000	20%	3,221,000
33	DH92002387	Lê Việt	Thiện	13/11/2002	D20_TK01	PT01_HOCBA THPT		7.00	7.30	7.50	21.80	16,105,000	20%	3,221,000
34	DH12002321	Trần Minh	Quyền	01/01/2002	D20_CDT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.10	5.50	6.30	18.90	12,810,000	20%	2,562,000
35	DH32003127	Đình Quang	Thanh	12/03/2002	D20_DDT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.30	7.70	7.90	22.90	12,810,000	20%	2,562,000
36	DH42003358	Tạ Thanh	Bình	20/11/1998	D20_VT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	6.90	7.20	5.80	19.90	12,810,000	20%	2,562,000
37	DH42002288	Lê Kim	Quý	08/08/2002	D20_VT01	PT02_HOCBA LOP12	A00	8.00	8.00	7.70	23.70	12,810,000	20%	2,562,000

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Thông tin tuyển sinh						Học phí đã đóng	Mức miễn giảm	Học bổng được cấp
						Phương thức xét tuyển	Tổ hợp môn	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3	Điểm tổng			
38	DH92000048	Nguyễn Văn	Luận	31/10/2000	D20_TK01	PT02_HOCBA LOP12	A00	7.20	6.80	7.20	21.20	16,105,000	20%	3,221,000
39	DH92000017	Phạm Thị Kim	Thùy	28/11/2001	D20_TK01	PT02_HOCBA LOP12	D01	6.30	6.70	6.30	19.30	16,105,000	20%	3,221,000
40	DH92000010	Đoàn Minh	Thư	14/12/2001	D20_TK02	PT02_HOCBA LOP12	D01	7.20	8.10	7.30	22.60	16,105,000	20%	3,221,000
41	DH12006321	Trần Thanh	Phong	10/05/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	A00	7.20	6.75	4.75	18.70	12,810,000	20%	2,562,000
42	DH12006338	Lý Phi	Tùng	11/09/2002	D20_CDT02	PT03_THPT	D01	6.60	7.75	4.20	18.55	12,810,000	20%	2,562,000
43	DH32006389	Lê Minh	Phát	08/06/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	D01	7.00	6.50	4.60	18.10	12,810,000	20%	2,562,000
44	DH32006398	Đặng Văn	Quý	14/12/2002	D20_DDT02	PT03_THPT	A00	7.20	5.75	3.75	16.70	12,810,000	20%	2,562,000
45	DH42006428	Nguyễn Tất	Đạt	16/12/2002	D20_VT02	PT03_THPT	D01	6.80	7.00	3.80	17.60	12,810,000	20%	2,562,000
46	DH42006437	Lê Anh	Toàn	16/06/2002	D20_VT02	PT03_THPT	D01	6.60	6.25	4.00	16.85	12,810,000	20%	2,562,000
47	DH92005101	Ngô Thị Mỹ	Linh	16/10/2002	D20_TK02	PT03_THPT	D01	8.00	6.50	3.60	18.10	16,105,000	20%	3,221,000
											Tổng:		128,322,000	
											Tổng cộng:		2,930,434,500	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020

